

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 25/10/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		MRRM+P2	7:25	17+4	0+0		15+7	0+0	
2		T.UNG	7:25	13	0		18	0	
3		CTK3+TD2	9:25	2+19	0+0		2+19	0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/10/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: MRM - P2	CREW: TTrung - HUNG - NNam	ETA: 09:20
xamh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CHUMAKOV MAKSIM	MRM	78	1	5		70	AMNGR	Russian
2	LE QUANG NGHIẾP	MRM	79	1	13		72	DMC-MI	Vietnamese
3	ALEXANDER POPOV	MRM	80	1	8		85	HALLIBUR	Russian
4	NGUYEN HUNG QUAN	MRM	84	1	8	25	70	D-HANH	Vietnamese
5	HOANG TRUNG KIEN	MRM	76-77	2	19		70	D-HANH	Vietnamese
6	NGO THANH SON	MRM	85	1	11		74	DVL	Vietnamese
7	NGUYEN HOANG SON	MRM	82	1	7		74	DVL	Vietnamese
8	NGUYEN QUOC HUNG	MRM	82	1	5		80	DVL	Vietnamese
9	LY NHAT TRUONG	MRM	83	1	8		80	DVL	Vietnamese
10	PHAM QUANG TRUNG	MRM	878-879	2	19		82	DVL	Vietnamese
11	NGUYEN NGOC NINH	MRM	84	1	16		72	DVL	Vietnamese
12	TRAN CONG CHIEN	MRM	83	1	14		80	DVL	Vietnamese
13	LUONG MANH HAI	MRM	80-81	2	19		75	DVL	Vietnamese
14	LE MINH PHAT	MRM	74-75	2	13		70	PSV	Vietnamese
15	NGUYEN TIEN BINH	MRM	73	1	5		70	PSV	Vietnamese
16	HUYNH TRONG PHUC	MRM	86	1	4		70	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN QUANG ANH	MRM	81	1	5		70	ANTOAN	Vietnamese
18	NGUYEN THAI BINH	P2	52-53	2	10		70	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN HOANG TRUNG	P2	44	1	10	30	75	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYEN KHAC SON	P2	50-51	2	16	30	85	XAYLAP	Vietnamese
21	TRAN TUAN ANH	P2	01	1	12		65	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	17	21	179	1.264	25	15		
2	P2	4	6	48	295	60	7		
TOTAL		21	27	227	1.559	85	22		
WEIGHT KG				227	1.559	85			

GRAND TOAL: 1.871 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 26/10/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P1+P4	7:25	6+13	0+0		7+15	0+0	
2		TD3+TD5	9:25	2+20	0+0		0+20	0+0	
3		TD3+TD5	11:25	22+0	0+0		19+3	0+0	

TTĐBSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 26/10/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: P1 - P4	CREW: Linh - VLinh - THU	ETA: 09:20
XANH-1			

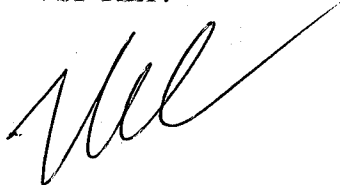
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐINH VĂN TOÀN	P1	97-98	2	13	37	59	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN VĂN ĐOÀN	P1	95-96	2	20		75	XAYLAP	Vietnamese
3	PHẠM THANH NHA	P1	50	1	12		79	PSV	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN NGHI	P1	60	1	7		70	PSV	Vietnamese
5	NGUYỄN XUÂN THÔNG	P1	99	1	10		65	PSV	Vietnamese
6	TRẦN QUANG HUY	P1	37-38	2	20		82	PSV	Vietnamese
7	DƯƠNG VĂN TUẤN	P4	40	1	15	15	63	XAYLAP	Vietnamese
8	TRẦN ĐÌNH THỌ	P4	42-43	2	15	57	75	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN THUẬN	P4	77-78	2	18		70	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN QUỐC CƯỜNG	P4	80-81	2	20		73	XAYLAP	Vietnamese
11	PHAN KHẮC BẰNG	P4	44,36	2	20		77	XAYLAP	Vietnamese
12	TRẦN BA QUÝ	P4	98,38	2	19		71	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN TIẾN DŨNG	P4	96-97	2	20		75	XAYLAP	Vietnamese
14	TRẦN THANH LIÊM	P4	82	1	5		66	PSV	Vietnamese
15	BUI VĂN MƯỜI	P4	92	1	6		54	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN XUÂN ĐÔNG	P4	39	1	5		63	PSV	Vietnamese
17	TRẦN TRUNG KIẾN (1991)	P4	93	1	4		66	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN XUÂN ANH	P4	95	1	11		78	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN TRUNG THẮNG	P4	79	1	7		82	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

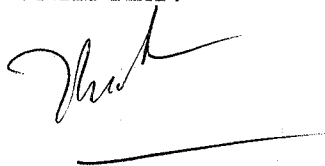
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	6	9	82	430	37	7		
2	P4	13	19	165	913	72	15		
TOTAL		19	28	247	1.343	109	22		
WEIGHT KG				247	1.343	109			

GRAND TOAL: 1.699 KGS

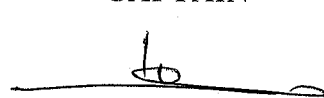
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 26/10/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:50
FLIGHT: 2	TO: TD3 - TD5	CREW: Linh - VLinh - THU	ETA: 11:40
HONG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN TRUC TUYEN	TD3	84	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
2	VU TIEN LUC	TD3	83	1	5	70	65	KHOAN	Vietnamese
3	TRINH HOANG KHANH	TD5	03	1	5		84	KHOAN	Vietnamese
4	PHAM VAN HANH	TD5	04-05	2	15		88	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN BACH TUNG	TD5	98	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
6	PHAM VAN DINH	TD5	900	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
7	NGO QUOC BAO	TD5	02	1	5		69	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN TAT THANH	TD5	06	1	7		57	KHOAN	Vietnamese
9	NHU THANH TUYEN	TD5	12	1	9		70	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN SY LE	TD5	10-11	2	12		53	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN THANH CONG	TD5	91	1	7		86	KHOAN	Vietnamese
12	TRAN VAN DIU	TD5	96	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN VIET DUNG	TD5	95	1	9		78	KHOAN	Vietnamese
14	DO VINH CUONG	TD5	08	1	8		68	KHOAN	Vietnamese
15	BUI TAN BINH	TD5	07	1	6		76	KHOAN	Vietnamese
16	LUONG MINH PHUNG	TD5	09	1	8		60	KHOAN	Vietnamese
17	TRUONG HUY BINH	TD5	99	1	11		65	KHOAN	Vietnamese
18	NIKITIN NIKOLAI	TD5	97	1	12		87	ANTOAN	Russian
19	TRAN DAC THANG	TD5	01	1	4		68	PSV	Vietnamese
20	PHAN THANH NAM	TD5	94	1	10		74	PSV	Vietnamese
21	LE TAT VINH	TD5	92	1	6		73	PSV	Vietnamese
22	LE MINH KHUONG	TD5	93	1	7		83	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	2	2	8	132	70	2		
2	TD5	20	22	156	1.460	0	20		
TOTAL		22	24	164	1.592	70	22		
WEIGHT KG				164	1.592	70			

GRAND TOAL: 1.826 KGS

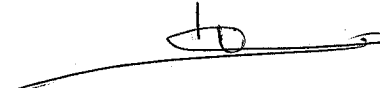
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 26/10/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:10
FLIGHT: 3	TO: TD3 - TD5	CREW: CHIẾN - N.ANH - Thành	ETA: 14:00
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VÕ TĂNG GIAP	TD3	60	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
2	TRẦN ĐỨC TOÀN	TD3	66	1	12		62	KHOAN	Vietnamese
3	KHÔNG QUỐC HÙNG	TD3	56	1	4		62	KHOAN	Vietnamese
4	HOÀNG NGỌC NGHĨA	TD3	64	1	6		64	KHOAN	Vietnamese
5	ĐẶNG XUÂN LƯU	TD3					69	KHOAN	Vietnamese
6	PHÙNG VĂN XUYỀN	TD3	52	1	4		69	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN XUÂN KÝ	TD3	54	1	3		90	KHOAN	Vietnamese
8	ĐẶNG ĐÌNH ĐỊNH	TD3	68	1	9		61	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN VĂN HAI	TD3	71	1	4		56	KHOAN	Vietnamese
10	HỒ SĨ PHỤNG	TD3	67	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN MINH TIỀN	TD3	63	1	10		85	KHOAN	Vietnamese
12	LE XUAN THANG	TD3	50-51	2	22		82	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐÌNH PHƯƠNG	TD3	61	1	6		80	KHOAN	Vietnamese
14	TRÌNH DUY SƠN	TD3	69	1	9		82	KHOAN	Vietnamese
15	DƯƠNG THANH TÙNG	TD3	57	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
16	SOTRIVEX IGOR	TD3	58	1	9		105	KHOAN	Russian
17	PHẠM VĂN PHƯƠNG HÙNG	TD3	65	1	7		62	KHOAN	Vietnamese
18	TÀ HOÀI TRANG	TD3	62	1	10		76	ANTOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN LINH	TD3	70	1	10		65	DVL	Vietnamese
20	TRẦN ĐẠI HÙNG	TD3	59	1	9		77	DVL	Vietnamese
21	ĐINH VIỆT DŨNG	TD3	53	1	7		60	DVL	Vietnamese
22	NGÔ TRI HOÀNG	TD3	55	1	5		70	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	22	22	161	1.597	0	17		
2	TD5	0	0	0	0	60	3		
TOTAL		22	22	161	1.597	60	20		
WEIGHT KG				161	1.597	60			

GRAND TOTAL: 1.818 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 27/10/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RP2+CTC1	7:25	13+9	0+0		9+13	0+0	chuyen 4 rp2-ctc1
2		RC3+RP2	7:25	11+11	0+0+0		8+14	0+0+0	
3		TD1+P7+BK19	7:25	18+0+1	0+0+0		17+4+1	0+0+0	
4		PPD+CLO+MRM	9:25	9+12+1	0+0+0		3+12+7	0+0+0	
5		P2+BK6	9:25	18+4	0+0		18+4	0+0	
6		BK5+TD5	9:25	7+14	0+0		4+18	0+0	
7		P6+P8+P2	11:25	4+3+15	0+0+0		1+0+21	0+0+0	
8		RC3+RP2	11:25	2+20	0+0		0+22	0+0	chuyen 1 RC3-RP2
9		RC10+CTC1+GTCT1	13:25	11+11+0	0+0+0		8+12+2	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
I/CTC1 ra về trong ngày 4ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/10/2023	TO: RP2 - CTC1	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: KHOÀN - MTHAO -	ETA: 09:20
XANH-1		MQUÂN	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐINH XUÂN GIANG	RP2	66	1	5	6	75	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN NGỌC CHINH	RP2	72	1	4		76	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN DUY HUNG	RP2	26	1	2		67	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN CÔNG HOANG	RP2	73	1	15		65	KH-THAC	Vietnamese
5	LƯU VĂN ĐIỀN	RP2	60	1	8		74	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN HUNG CUONG	RP2	63-64	2	20	5	86	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN BÀ DUY	RP2	27	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN TÂN TÀI	RP2	36	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN HỒNG QUANG	RP2	67-68	2	7		64	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐÀU HUY HOANG	RP2	62	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN BÌNH LONG	RP2	75	1	8		77	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG VAN LINH	RP2	69-71	3	10		60	YTE	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN LIÊM	RP2	61	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN SĨ TOÀN	CTC1					75	D-HANH	Vietnamese
15	NGUYỄN XUÂN THỌ	CTC1	21	1	2		91	D-HANH	Vietnamese
16	GIANG TRUNG HIẾU	CTC1					120	D-HANH	Vietnamese
17	AKOPOV	CTC1	22	1	3		84	KH-THAC	Russian
18	NGUYỄN TIẾN THỨC	CTC1	32	1	4		81	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ ANH VŨ	CTC1	42	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAN VĂN LÝ	CTC1	43	1	8		78	KH-THAC	Vietnamese
21	TÀ VĂN VIỆT	CTC1	25	1	7		76	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN DŨNG	CTC1					68	ANTOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	13	17	100	907	11	9	4	CHUYEN 4 PAX RP2-CTC1
2	CTC1	9	6	29	753	0	13	4	
TOTAL		22	23	129	1.660	11	22		
WEIGHT KG				129	1.660	11			

GRAND TOAL: 1.800 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/10/2023	TO: RC3 - RP2	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Dương - N.ANH - Huy	ETA: 09:25
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KHALIMOV	RC3					92	KH-THAC	Russian
2	VU LE TRUNG	RC3	04-05	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
3	LAM TRONG DAI	RC3	09-10	2	10		58	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN TRONG KHOA	RC3	03	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
5	NGO KHANH NAM	RC3	06	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN HAI VIET	RC3	13	1	9		95	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAM THE QUANG	RC3	07	1	12		72	KH-THAC	Vietnamese
8	VU MINH DUC	RC3	11-12	2	18		90	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN NHAT KIM LONG	RC3	08	1	12		56	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN LE DANG QUANG	RC3	17	1	12	60	92	KH-THAC	Vietnamese
11	DAO ANH HUYNH	RC3	14-16	3	20		67	DVL	Vietnamese
12	DAO TRUONG SON	RP2	09	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
13	DO DUC CUONG	RP2	10	1	3		77	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAM XUAN KHOA	RP2	16	1	10		63	KH-THAC	Vietnamese
15	HO DUC LONG	RP2	11	1	3		57	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAM HOANG HUNG	RP2	07	1	7		85	KH-THAC	Vietnamese
17	VU HUU QUAN	RP2	17	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
18	HOANG TUAN CUONG	RP2	15	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
19	VO HOANG CAM	RP2	13	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
20	LE LAM	RP2	08	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN XUAN HAI	RP2	14	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN VIET NHUONG	RP2	12	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC3	11	15	114	832	60	7		
2	RP2	11	11	57	744	0	15		
TOTAL		22	26	171	1.576	60	22		
WEIGHT KG				171	1.576	60			

GRAND TOAL: 1.807 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 27/10/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	TO: TD1 - P7 - BK19	CREW: VThắng - HTrung - PTUẤN	ETA: 09:30
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ TRỌNG LƯỢNG	TD1	34	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
2	HOANG VAN NAM	TD1	32	1	5		87	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN VAN LANG	TD1	36	1	3		78	KHOAN	Vietnamese
4	LÊ QUỐC BẢO	TD1	35	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
5	ĐÌNH XUÂN HOÀ	TD1	42	1	5		61	KHOAN	Vietnamese
6	HOANG ANH TUẤN	TD1	39	1	8		75	KHOAN	Vietnamese
7	ĐÌNH VĂN TRỌNG	TD1	37-38	2	8		70	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐĂNG LAM	TD1	41	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN TRƯỜNG DƯƠNG	TD1	31	1	3		86	KHOAN	Vietnamese
10	HOANG XUÂN THI	TD1	33	1	3		71	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN NHẬT TẤN	TD1	49-50	2	13		76	CODIEN	Vietnamese
12	PHẠM VĂN DŨNG	TD1	44	1	5		62	CODIEN	Vietnamese
13	VÕ TIẾN PHỤNG	TD1	48	1	11		65	CODIEN	Vietnamese
14	ĐỖ THANH TÙNG	TD1	45-46	2	10		65	CODIEN	Vietnamese
15	ĐOÀN TUẤN DƯƠNG	TD1	34	1	21		65	CODIEN	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN MẠNH	TD1	51	1	16		64	DVL	Vietnamese
17	ĐÌNH VĂN ĐÔNG	TD1	47	1	10		60	DVL	Vietnamese
18	VO TA HOANG ANH	TD1	40	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN SAU	BK19	41	1	5	16	69	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	18	21	137	1.261	0	17		
2	P7	0	0	0	0	16	4		
3	BK19	1	1	5	69	16	1		
TOTAL		19	22	142	1.330	35	22		
WEIGHT KG				142	1.330	35			

GRAND TOAL: 1.507 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/10/2023	TO: PPD - CLO - MRM	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: Dương - N.ANH - Huy	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN TIEN DUAN	PPD	73-74	2	15		67	KHI	Vietnamese
2	TRAN DUC KHANG	PPD	71-72	2	12		82	KH-THAC	Vietnamese
3	DUONG XUAN TOAN	PPD	69	1	3		60	PSV	Vietnamese
4	TRAN VAN DUC	PPD	70	1	5		50	PSV	Vietnamese
5	LE XUAN DAM	PPD	77	1	2		67	PSV	Vietnamese
6	LE TRAN MINH KHANH	PPD	76	1	4		61	PSV	Vietnamese
7	NGUYEN DUC MANH	PPD	75	1	5		57	PSV	Vietnamese
8	MAI HAI LONG	CLO	33	1	5		72	D-HANH	Vietnamese
9	DATSKO PAVEL	CLO	37	1	5		112	KHOAN	Russian
10	VU MINH TU	CLO	28	1	3		73	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN VAN LOC	CLO	30	1	7		73	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN CONG TAM	CLO	31	1	2		67	KHOAN	Vietnamese
13	TRAN HUU SON	CLO	29	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
14	CHU DUC AI	CLO					81	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN CHIEN THANG	CLO	27	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
16	DO THANH LIEM	CLO	38	1	7		60	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN HUU HOANG QUAN	CLO	32	1	3	20	60	KHOAN	Vietnamese
18	HA KHUONG DUY	CLO	39-40	2	17		63	KHOAN	Vietnamese
19	HOANG VAN THAM	CLO	34	1	10	20	61	T-TIN	Vietnamese
20	NGUYEN HUE	CLO	36	1	6		55	T-TIN	Vietnamese
21	HOANG HAO HIEP	MRM	28-30	3	20		72	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	7	9	46	444	0	3		
2	CLO	13	13	74	914	40	12		
3	MRM	1	3	20	72	0	7		
TOTAL		21	25	140	1.430	40	22		
WEIGHT KG				140	1.430	40			

GRAND TOAL: 1.610 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/10/2023	TO: P2 - BK6	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: KHOÀN - MTHAO -	ETA: 11:40
XANH-2		MQUÂN	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG QUỐC VIỆN	P2	29	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
2	BAGRAMOV A.	P2	43	1	17		95	KH-THAC	Russian
3	DƯƠNG ĐỨC HIẾU	P2	33	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
4	DƯƠNG XUÂN ĐIẾP	P2	40	1	5		47	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM QUỐC HIẾN	P2					65	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐOÀN NGUYỄN BAO CHAU	P2	34-35	2	5		62	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG MINH ĐỨC	P2	36	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ QUANG ANH HÙNG	P2	41	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ VĂN ĐÔNG	P2	38	1	2		80	KH-THAC	Vietnamese
10	LƯU VĂN TÚ	P2	30	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ VĂN HIẾU	P2	32	1	2	20	57	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ HUY TIẾN HAI	P2	39	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM NGUYỄN HOANG PHÚC	P2	26	1	2		88	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN XUÂN PHONG	P2	28	1	4		59	KH-THAC	Vietnamese
15	HỒ HỮU LINH	P2	37	1	4		90	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN ĐỨC HUY	P2	42	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN PHÚ HỮU	P2	31	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
18	HUYNH XUÂN TRƯỞNG	P2	27	1	5		75	DHANH	Vietnamese
19	LÊ NGỌC AN	BK6	87	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAN CÔNG THANH	BK6	98-99	2	17		78	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN THANH TÙNG	BK6	600	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN PHỄ	BK6	84	1	3	40	64	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	18	18	82	1.248	20	18		
2	BK6	4	5	31	286	40	4		
TOTAL		22	23	113	1.534	60	22		
WEIGHT KG				113	1.534	60			

GRAND TOAL: 1.707 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/10/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 10:00
FLIGHT: 06	TO: BK5 - TD5	CREW: VThắng - HTrung - PTUẤN	ETA: 11:50
vang-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN HONG	BK5	49-50	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
2	HOANG SY NGOC	BK5	47	1	8		67	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN CONG THANH	BK5	48	1	5		81	KH-THAC	Vietnamese
4	CU CHI CONG	BK5	45-46	2	22		69	XAYLAP	Vietnamese
5	VU QUANG DUONG	BK5	43	1	13	28	73	XAYLAP	Vietnamese
6	LUU QUY DUNG	BK5	44	1	11		59	XAYLAP	Vietnamese
7	HOANG TRUNG DUC	BK5	42	1	6		82	PSV	Vietnamese
8	HO CONG ANH	TD5	31	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN KHAI	TD5	17	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN VAN THUAN	TD5	32	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN ANH TUAN	TD5	34	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN THANH SON	TD5	33	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
13	DO VAN NAM	TD5	22	1	9		73	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN DUC ANH	TD5	20-21	2	15		76	XAYLAP	Vietnamese
15	DUONG VAN TUYEN	TD5	25	1	11	40	90	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN VAN PHUC	TD5				76	60	XAYLAP	Vietnamese
17	DINH TRONG KIEN	TD5	29-30	2	17		66	XAYLAP	Vietnamese
18	VO THANH BINH	TD5	26	1	11		52	XAYLAP	Vietnamese
19	MAI VO TRUONG GIANG	TD5	18-19	2	27		65	XAYLAP	Vietnamese
20	BUI DINH SANG	TD5	23-24	2	10		49	XAYLAP	Vietnamese
21	BUI DAC CANH	TD5	16	1	5		66	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK5	7	9	75	496	28	4		
2	TD5	14	17	131	929	116	18		
TOTAL		21	26	206	1.425	144	22		
WEIGHT KG				206	1.425	144			

GRAND TOAL: 1.775 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 27/10/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:10
FLIGHT: 07	TO: P6 - P8 - P2	CREW: <i>Hùng</i> - ĐNam - Toan	ETA: 14:00
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ VĂN NHÂN	P6	49-50	2	20	40	74	XAYLAP	Vietnamese
2	VÕ QUỐC TUÂN	P6	25	1	10	15	82	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN TUÂN	P6	48	1	5		75	PSV	Vietnamese
4	LÊ DUY HAI	P6	47	1	3		75	PSV	Vietnamese
5	BUI ĐỨC HẬU	P8	23	1	10	33	65	CODIEN	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN THỦ	P8	22	1	6	5	51	CODIEN	Vietnamese
7	NGUYỄN HỮU HÀ	P2	14-15	2	13	25	55	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐÌNH NAM	P2	09	1	8		67	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN HIỆU	P2	11	1	13		80	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI THO DUNG	P2	12	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ SINH TÂM	P2	20	1	8		95	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ ĐÌNH HUÂN	P2	17	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
13	TÀNG MẠNH HÀ	P2	16	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
14	K LING	P2	22	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
15	VŨ NGỌC DUNG	P2	10	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN NGỌC DƯ	P2	18	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN QUỐC KHANH	P2	23	1	5		62	PSV	Vietnamese
18	TRẦN VIỆT BÌNH	P2	24	1	5		60	PSV	Vietnamese
19	DƯƠNG VĂN TUÂN	P2	13	1	5		60	PSV	Vietnamese
20	LÊ NGUYỄN DUY THÔNG	P2	19	1	7		52	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN NGỌC LÊ	P2	21	1	6		69	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	4	5	38	306	55	1		
2	P8	2	2	16	116	38	0		
3	P2	15	16	100	984	25	21		
TOTAL		21	23	154	1.406	118	22		
WEIGHT KG				154	1.406	118			

GRAND TOAL: 1.678 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

duu VSP



FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/10/2023	TO: RC3 - RP2	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:15
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: Linh - XTrường - DTùng	ETA: 14:05
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM VĂN ĐAM	RC3	21	1	11		65	DVL	Vietnamese
2	TRẦN ĐÌNH ĐÌNH	RC3	22	1	4		70	PSV	Vietnamese
3	NGUYỄN QUANG VINH	RP2	33	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN NGON QUANG DUY	RP2	22	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ VIỆT TRƯỜNG	RP2	21	1	10		61	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN ĐỨC NGUYỄN	RP2	40	1	8		59	KH-THAC	Vietnamese
7	LƯƠNG NGỌC THANH	RP2	34	1	2		94	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN KIM PHI HÙNG	RP2	35	1	9		70	XAYLAP	Vietnamese
9	TRƯỜNG CHI THANH	RP2	37	1	11		60	XAYLAP	Vietnamese
10	ĐÌNH ĐỨC THIÊN	RP2	26-27	2	18		63	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN VIỆT ĐỨC	RP2	31-32	2	20		67	XAYLAP	Vietnamese
12	PHƯƠNG THÈ TRUNG	RP2	19	1	17		75	XAYLAP	Vietnamese
13	PHẠM VĂN LONG	RP2	23	1	10	13	67	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN KIM THẮNG	RP2	28-30	3	18		57	XAYLAP	Vietnamese
15	PHẠM VĂN ĐOÀN	RP2	20	1	17		60	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN QUANG TÂN	RP2	41	1	2		58	PSV	Vietnamese
17	LÊ MẠNH HÙNG	RP2	42	1	5		77	PSV	Vietnamese
18	ĐOÀN THANH TRƯỜNG	RP2	43	1	2	30	50	PSV	Vietnamese
19	BUI HAI THANH	RP2	25	1	5		62	PSV	Vietnamese
20	LƯƠNG MẠNH HƯƠNG	RP2	38	1	3		64	PSV	Vietnamese
21	TRẦN VĂN MINH	RP2	36	1	5		88	PSV	Vietnamese
22	TRẦN VĂN HÒA	RP2	39	1	3		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC3	2	2	15	135	0	1 +	4	CHUYEN 1 PAX RC3-RP2
2	RP2	20	24	175	1.362	43	21		
TOTAL		22	26	190	1.497	43	22		
WEIGHT KG				190	1.497	43			

GRAND TOAL: 1.730 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 27/10/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 14:30
FLIGHT: 09	TO: RC10 - CTC1 - GTC1	CREW: HUNG - ĐNam - Toan	ETA: 16:20
XANH-4			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CHU ĐỨC HÙNG	RC10	14	1	10		58	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TRỌNG TÂN	RC10	23-24	2	12		67	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM TRUNG KIẾN	RC10					71	KH-THAC	Vietnamese
4	BELAIEV	RC10	20	1	15		80	KH-THAC	Russian
5	ĐO MINH HOÀNG	RC10	22	1	15		76	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN QUỐC KHÔI	RC10	21	1	12		68	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN MINH TUẤN	RC10	30	1	9		63	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN VĂN TUYẾT	RC10	15	1	15	15	78	DVL	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN TIẾP	RC10	16-17	2	15	77	74	DVL	Vietnamese
10	LÊ DUY HUYNH	RC10	18-19	2	15		67	DVL	Vietnamese
11	VŨ NGỌC HÙNG	RC10	13	1	15		60	PSV	Vietnamese
12	BUI SỸ HIỆU	CTC1	13	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
13	LUƠNG XUÂN THANH	CTC1	09	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
14	HOÀNG NGỌC LAN	CTC1	12	1	8		78	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN TRỌNG MẠNH	CTC1	07	1	8		58	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN DANH CHIẾN	CTC1	16-17	2	15		77	XAYLAP	Vietnamese
17	PHÙNG VĂN CƯỜNG	CTC1	18-19	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN TRUYỀN	CTC1	14-15	2	15	3	60	XAYLAP	Vietnamese
19	PHẠM VĂN VINH	CTC1	10-11	2	15		77	XAYLAP	Vietnamese
20	HOÀNG NGỌC MINH	CTC1	01	1	15		64	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN QUANG DŨNG	CTC1	20	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
22	TRẦN VĂN VIỆT	CTC1	08	1	8		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC10	11	13	133	762	92	8		
2	CTC1	11	15	124	766	3	12		
3	GTC1	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		22	28	257	1.528	95	22		
WEIGHT KG				257	1.528	95			

GRAND TOAL: 1.880 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

đầu VSP